TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Bà Phan Thị Nga.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Châu Văn L, sinh năm 1963 (Có mặt).

Cư trú: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Mai Thị U (H), sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp P2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Châu Văn L trình bày: Ông và bà Mai Thị U do mai mối và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1980, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông và bà U sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống từ đó đến nay. Từ khi không còn sống chung, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị U. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà U có 02 con chung tên Châu Thái H1, sinh năm 1983 và Châu Minh Đ, sinh năm 1985. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa ông Châu Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Mai Thị U được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà U vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Châu Văn L yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị U, bà U có nơi cư trú ấp P2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Bị đơn bà Mai Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà U là có căn cứ.

[3] Ông Châu Văn L yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị U, ông L bà U không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình giải quyết ông L cho rằng ông và bà U chung sống với nhau vào năm 1980. Bên cạnh đó, căn cứ vào giấy khai sinh của anh Châu Thái H1 là con ruột của ông L, bà U thì anh H1 sinh vào ngày 11/11/1983. Do đó, có cơ sơ xác định ông L, bà U xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987. Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, đây là quan hệ hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo ông L trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc ông L yêu cầu ly hôn và triệu tập bà U tham gia các phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà U vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông L. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà U đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Châu Văn L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, ông L xác định vợ chồng có 02 con chung tên Châu Thái H1, sinh năm 1983 và Châu Minh Đ, sinh năm 1985. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh H, anh Đ đã trưởng thành ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Ông L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Ông L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Châu Văn L đối với bà Mai Thị U.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Văn L được ly hôn với bà Mai Thị U.

- Về quan hệ con chung: Ông L, bà U có 02 con chung tên Châu Thái H, sinh năm 1983 và Châu Minh Đ, sinh năm 1985. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận ông L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì ông Châu Văn L và Mai Thị U vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Châu Văn L phải chịu, nhưng ông L là người cao tuổi (Trên 60 tuổi) thuộc trường hợp được miễn án phí. Ông L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0012434 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 09/01/2019.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư